TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Séc lËp - Tù do - H¹nh phóc**
Số: 25/2022/QĐST-KDTM	*K, ngày 20 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2022/TLST - KDTM ngày 08/11/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (tên viết tắt: V)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 L, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm T – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý *(theo Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2020)*

Người được ủy quyền lại: Anh Phan Việt H sinh năm 1992 – Cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng TMCP V *(theo Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2022)*

Địa chỉ liên hệ: Tầng 7, tòa nhà V, số 78 D, quận C, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: *Công ty* X

Địa chỉ: Số 266 X, thị trấn V, huyện K, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1993 – Chức danh: Giám đốc của X

Địa chỉ: Số 193/448 X, thị trấn V, huyện K, Thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 193/4xx X, thị trấn V, huyện K, Thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 02/08/2017 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), X còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến hết ngày 12/12/2022 là: 402.358.081 đồng (trong đó: Nợ gốc: 243.654.788 đồng, Nợ lãi quá hạn: 158.703.293 đồng).

Kể từ ngày 13/12/2022 X phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 02/08/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ nêu trên.

2.2. Về biện pháp đảm bảo cho khoản vay:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 020817-3866337-01-SME/HĐBL ngày 02/08/2017, bên bảo lãnh là chị Nguyễn Thị Hồng V đã đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho X trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của X với V phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 02/08/2017 và các văn bản tín dụng khác ký giữa X và V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, và văn bản liên quan.

2.3. Về lộ trình thanh toán:

Đến hết ngày 12/01/2023 X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc.

Đến hết ngày 12/02/2023 X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc.

Đến hết ngày 12/3/2023 X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc.

Đến hết ngày 12/4/2023 X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc.

Đến hết ngày 12/5/2023 X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc.

Đến hết ngày 12/6/2023 X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ còn lại là 362.358.081 đồng và số tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 02/08/2017" kể từ ngày 13/12/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp các ngày thanh toán nêu trên là ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

Trường hợp X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì chị Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thay X toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 02/08/2017.

Trường hợp X và chị Nguyễn Thị Hồng V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào theo cam kết trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của X và chị Nguyễn Thị Hồng V để thu hồi nợ.

2.4. Về án phí:

X chịu toàn bộ án phí vụ án KDTM sơ thẩm là 10.047.162 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V 8.454.904 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0073670 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thành Nam